

# BẢN TIN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



KHOA HỌC



CÔNG NGHỆ



KINH TẾ

Số 11

2022

(BẢN TIN CHỌN LỌC PHỤC VỤ LÃNH ĐẠO)

CHỈ SỐ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TOÀN CẦU 2022 (GII 2022): VIỆT NAM ĐỨNG THỨ 48  
TRONG SỐ 132 NỀN KINH TẾ ĐƯỢC XẾP HẠNG



**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

## CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Địa chỉ: 24, Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tel: (024)38262718, Fax: (024)39349127

### BAN BIÊN TẬP

**TS. Trần Đắc Hiến** (*Trưởng ban*); ThS. Trần Thị Thu Hà (*Phó Trưởng ban*);

KS. Nguyễn Mạnh Quân; ThS. Nguyễn Lê Hằng; ThS. Phùng Anh Tiến.

---

## MỤC LỤC

CHỈ SỐ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TOÀN CẦU 2022 (GII 2022): VIỆT NAM ĐÚNG THỨ 48  
TRONG SỐ 132 NỀN KINH TẾ ĐƯỢC XẾP HẠNG

1. Khái quát Báo cáo GII 2022 .....	1
2. Khái quát xếp hạng GII 2022 .....	3
3. Chỉ số ĐMST 2022 của Việt Nam .....	6

## **CHỈ SỐ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TOÀN CẦU 2022 (GII 2022): VIỆT NAM ĐỨNG THỨ 48 TRONG SỐ 132 NỀN KINH TẾ ĐƯỢC XẾP HẠNG**

Ngày 29/9/2022 tại Geneva (Thụy Sĩ), Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) công bố báo cáo Chỉ số Đổi mới sáng tạo Toàn cầu 2022 (GII 2022) lần thứ 15. Theo GIJ 2022, Việt Nam đứng thứ 48/132 nền kinh tế, giảm 4 bậc so với năm 2021, nằm trong Top 50 và đứng thứ 2 trong nhóm 36 nền kinh tế thu nhập trung bình thấp.

### **1. Khái quát Báo cáo GIJ 2022**

GIJ 2022, ấn bản lần thứ 15 trong năm nay, được WIPO công bố với sự hợp tác của Viện Portulans (Viện nghiên cứu và giáo dục phi lợi nhuận có trụ sở tại Washington DC, Hoa Kỳ) và với sự hỗ trợ của các đối tác Mạng lưới doanh nghiệp: Liên đoàn Công nghiệp Ấn Độ (CII), Liên đoàn Công nghiệp Quốc gia Brazil (CNI), Ecopetrol (Colombia) và Hiệp hội các nhà xuất khẩu Thổ Nhĩ Kỳ (TİM). Năm 2021, Mạng lưới Học thuật được thành lập để thu hút các trường đại học hàng đầu thế giới tham gia nghiên cứu GIJ và phổ biến dữ liệu GIJ.

Kể từ khi được thiết lập vào năm 2007, GIJ đã định hình chương trình đo lường đổi mới sáng tạo (ĐMST) và trở thành nền tảng của hoạch định chính sách kinh tế, với việc ngày càng nhiều chính phủ phân tích một cách có hệ thống các kết quả GIJ hàng năm của họ và thiết kế các phản ứng chính sách để cải thiện hiệu quả hoạt động của họ. GIJ cũng đã được Hội đồng Kinh tế và Xã hội Liên Hợp quốc công nhận trong nghị quyết năm 2019 về Khoa học, Công nghệ và ĐMST để Phát triển như một tiêu chuẩn được công nhận nhằm đo lường ĐMST liên quan đến các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs).

Được công bố hàng năm, cốt lõi của GIJ cung cấp các thước đo hiệu suất và xếp hạng 132 nền kinh tế trong hệ sinh thái ĐMST của họ. Chỉ số được xây dựng trên một bộ dữ liệu phong phú - tập hợp 81 chỉ số từ các nguồn tư nhân và công quốc tế - vượt ra ngoài các thước đo truyền thống về ĐMST kể từ khi định nghĩa về ĐMST được mở rộng. Nó không còn bị giới hạn trong các phòng thí nghiệm nghiên cứu và phát triển (R&D) và các bài báo khoa học đã xuất bản, mà thay vào đó, có bản chất tổng quát hơn và theo chiều ngang, bao gồm các khía cạnh xã hội, mô hình kinh doanh và kỹ thuật.

Bộ chỉ số GIJ năm 2022 có sự thay đổi do tác động của đại dịch Covid-19 và tình hình kinh tế - chính trị thế giới. Từ năm 2012 tới nay WIPO đều có điều chỉnh về GIJ, năm 2022 là năm WIPO có điều chỉnh lớn nhất cả về phương pháp tính toán và chỉ số thành phần của GIJ. Cụ thể, trong 81 chỉ số, WIPO đã thay đổi phương pháp tính toán cho 3 chỉ số, bổ sung 7 chỉ số, loại bỏ 7 chỉ số, thay đổi nguồn dữ liệu của 1 chỉ số. WIPO nhấn mạnh những điều chỉnh này ảnh hưởng đến việc so sánh thứ hạng giữa các năm của từng quốc gia.

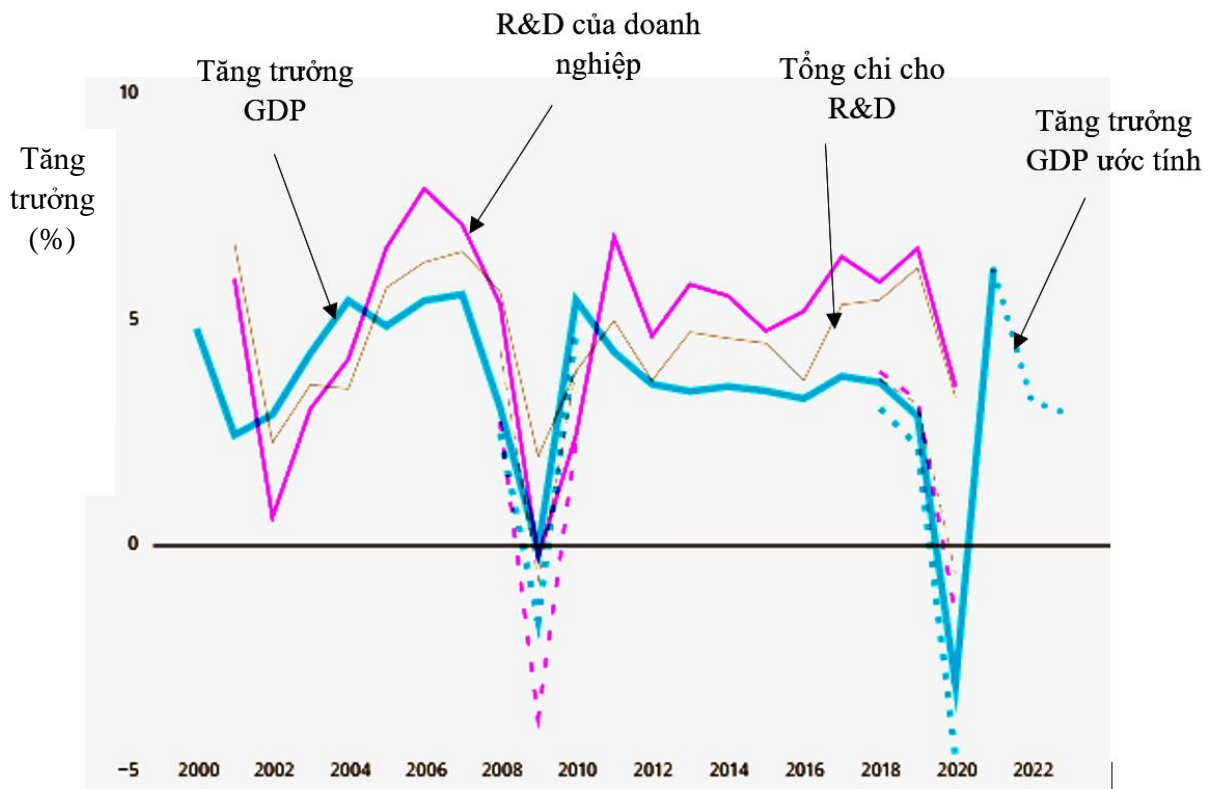
GII 2022 được tính bằng giá trị trung bình của hai chỉ số phụ. Chỉ số phụ Đầu vào ĐMST đánh giá các yếu tố của nền kinh tế cho phép và tạo điều kiện cho các hoạt động đổi mới sáng tạo và được nhóm thành 5 trụ cột: (1) Thể chế, (2) Vốn con người và nghiên cứu, (3) Cơ sở hạ tầng, (4) Trình độ phát triển của thị trường, và (5) Trình độ phát triển của kinh doanh. Chỉ số phụ Đầu ra ĐMST ghi nhận kết quả thực tế của các hoạt động ĐMST trong nền kinh tế và được chia thành hai trụ cột: (6) Sản phẩm tri thức và công nghệ và (7) Sản phẩm sáng tạo. Chỉ số GII dùng để đo lường, đánh giá, xếp hạng kết quả ĐMST quốc gia. GII chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu, những vấn đề còn tồn tại, cơ hội và thách thức cho mỗi quốc gia. Từ đó, nhiều quốc gia đã sử dụng GII như công cụ quan trọng trong quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và ĐMST cũng như để xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội dựa trên khoa học, công nghệ và ĐMST.

Báo cáo cho thấy R&D và các khoản đầu tư khác thúc đẩy hoạt động ĐMST trên toàn thế giới tiếp tục bùng nổ năm 2021 bất chấp đại dịch COVID-19, nhưng cũng có những thách thức nổi lên trong việc biến các khoản đầu tư ĐMST thành tác động.

GII cho thấy rằng tăng trưởng năng suất - thường được thúc đẩy bởi sự gia tăng ĐMST - trên thực tế đã bị đình trệ. Nó cũng cho thấy rằng tiến bộ công nghệ hiện tại và việc áp dụng công nghệ có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại, mặc dù có sự phát triển mạnh mẽ của chi tiêu cho R&D và đầu tư mạo hiểm gần đây. Tuy nhiên, với việc nuôi dưỡng tốt hơn các hệ sinh thái ĐMST, một kỷ nguyên mới của tăng trưởng do ĐMST dẫn dắt hay dựa trên ĐMST có thể cất cánh do các làn sóng ĐMST của Thời đại kỹ thuật số và Khoa học sâu (Deep Science) dẫn đầu.

Báo cáo GII 2022 cho thấy hai làn sóng đổi mới. Thứ nhất là làn sóng kỹ thuật số được xây dựng trên siêu máy tính, trí tuệ nhân tạo (AI) và tự động hóa đang trên đà tạo ra nhiều tác động các ngành và lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Làn sóng đổi mới thứ hai dựa trên những đột phá trong công nghệ sinh học, công nghệ nano, vật liệu mới và các ngành khoa học khác. Tuy nhiên, những tác động tích cực của 2 làn sóng mới này sẽ cần thời gian để hiện thực hóa, vượt trở ngại nhất là trong áp dụng và phổ biến công nghệ.

Liên quan đến Báo cáo GII 2022, Tổng giám đốc WIPO Daren Tang cho biết: GII năm nay cho thấy rằng ĐMST đang ở ngã ba đường khi chúng ta thoát ra khỏi đại dịch. Trong khi đầu tư vào ĐMST tăng mạnh vào năm 2020 và 2021, nhưng triển vọng cho năm 2022 không chỉ bị đe dọa bởi những bất ổn toàn cầu mà còn tiếp tục kém hiệu quả trong năng suất đổi mới. Đây là lý do tại sao chúng ta cần chú ý hơn đến việc không chỉ đầu tư vào ĐMST, mà còn chuyển hóa nó thành tác động kinh tế và xã hội như thế nào. Cũng giống như số lượng và quy mô, chất lượng và giá trị sẽ trở nên quan trọng đối với sự thành công.



Hình 1. Tương quan thông thường giữa R&D và tăng trưởng GDP từ 2000-2022  
 Nguồn: GII 2022, WIPO

Năm 2020 là một năm đặc biệt cho các khoản đầu tư vào R&D. Cụ thể, đầu tư vào R&D toàn cầu năm 2020 tiếp tục tăng với tốc độ 3,3%, giảm từ 6,1% năm 2019. Chi tiêu cho R&D của doanh nghiệp - thành phần quan trọng nhất trong tổng số R&D toàn cầu - tăng 3,5% năm 2020, so với mức 6,6% năm 2019 (Hình 1). Tăng trưởng R&D của các công ty chi cho R&D hàng đầu thế giới ở mức 9,8% (tương đương 903 tỷ USD) năm 2021, so với mức 11% năm 2020 và 9,4% năm 2019. Nhưng khả năng phục hồi là chưa chắc chắn trong năm 2022, mặc dù tất cả các công ty chi R&D hàng đầu đều đã tăng mức chi tiêu cho R&D gần được như trước đại dịch.

3 trong số 5 nền kinh tế chi tiêu cho R&D nhiều nhất năm 2020 có mức tăng trưởng R&D đáng kể: Hoa Kỳ (5%), tiếp theo là Trung Quốc (9,6%), Hàn Quốc (3,2%). Tuy nhiên, năm 2020 vẫn không có dữ liệu của một số nước chi tiêu cho R&D lớn hơn so với mức thu nhập, chẳng hạn như Brazil, Ấn Độ, Malaysia, Nam Phi và Việt Nam.

Trong năm 2021 cũng chứng kiến sự bùng nổ các giao dịch đầu tư mạo hiểm. Tuy nhiên, triển vọng của đầu tư mạo hiểm cho năm 2022 có thể không như mong đợi do sự thắt chặt chính sách tiền tệ và tác động lên vốn rủi ro.

## 2. Khái quát xếp hạng GII 2022

Theo GII 2022, Thụy Sĩ, Hoa Kỳ, Thụy Điển, Vương quốc Anh và Hà Lan là những nền kinh tế ĐMST nhất thế giới. Trung Quốc nằm trong top 10 các nền kinh tế mới nổi

khác cũng đang thể hiện thành tích xuất sắc. Ấn Độ và Thổ Nhĩ Kỳ đều lần đầu tiên lọt vào top 40.

Thụy Sĩ vẫn là nước đứng đầu bảng xếp hạng ĐMST trong năm thứ 12 liên tiếp. Quốc gia châu Âu này dẫn đầu toàn cầu về kết quả đổi mới, đặc biệt là về sáng chế, đầu tư phần mềm, sản xuất công nghệ cao. Tiếp theo là Hoa Kỳ, Thụy Điển, Anh, Hà Lan, Hàn Quốc, Singapore, Đức, Phần Lan, Đan Mạch nằm trong top 10 nước dẫn đầu bảng xếp hạng. Thụy Điển đứng đầu về cơ sở hạ tầng; thị trường và môi trường kinh doanh cũng như chỉ số nhà nghiên cứu, quỹ cho R&D.

Cùng với New Zealand (thứ 24) và Australia (thứ 25); các quốc gia châu Á vào top 15 gồm Hàn Quốc (6), Singapore (7), Trung Quốc (11), Nhật Bản (13) và Hong Kong (Trung Quốc thứ 14) đều trong nhóm các nhà lãnh đạo đổi mới.

Trung Quốc vươn lên vị trí thứ 11, vượt qua Pháp; Trung Quốc vẫn là nền kinh tế có thu nhập trung bình duy nhất trong top 30 GII. Lần đầu tiên, Trung Quốc có 100 cụm KH&CN (S&T clusters) hàng đầu như Hoa Kỳ. Đức theo sau với 10 cụm và Nhật Bản với 5 cụm. Năm 2022 - cũng như các năm trước - 100 cụm KH&CN hàng đầu tập trung ở ba khu vực - Bắc Mỹ, Châu Âu và Châu Á - và đặc biệt là ở hai quốc gia là Trung Quốc và Hoa Kỳ. Năm 2022, Tokyo – Yokohama (Nhật Bản) là cụm KH&CN hàng đầu toàn cầu, tiếp theo là Thâm Quyển – Hong Kong – Quảng Châu (Trung Quốc và Hong Kong, Trung Quốc), Bắc Kinh (Trung Quốc), Seoul (Hàn Quốc) và San Jose – San Francisco (Hoa Kỳ). Cambridge ở Vương quốc Anh và Eindhoven ở Hà Lan được coi là những cụm chuyên sâu về KH&CN nhất. Tiếp theo là Daejeon (Hàn Quốc), San Jose – San Francisco (Hoa Kỳ) và Oxford (Vương quốc Anh).

Năm nay, Ấn Độ vượt qua Việt Nam để giành vị trí dẫn đầu nhóm ba quốc gia về ĐMST theo nhóm thu nhập (Iran vượt qua Ukraine để vào nhóm xếp hạng này). Nước này tiếp tục dẫn đầu thế giới về xuất khẩu dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) và giữ thứ hạng đầu trong các chỉ số giá trị nhận vốn mạo hiểm, tài chính cho các công ty khởi nghiệp, tăng trưởng năng suất lao động và đa dạng hóa ngành công nghiệp trong nước...

**Bảng 1. Top 20 GII 2022**

Các nền kinh tế	Xếp hạng năm 2021	Xếp hạng năm 2022
Thụy Sĩ	1	1
Hoa Kỳ	3	2
Thụy Điển	2	3
Anh	4	4
Hà Lan	6	5
Hàn Quốc	5	6
Singapo	8	7
Đức	10	8
Phần Lan	7	9

Đan Mạch	9	10
Trung Quốc	12	11
Pháp	11	12
Nhật Bản	13	13
Hong Kong, Trung Quốc	14	14
Canada	16	15
Israel	15	16
Áo	18	17
Estonia	21	18
Luxembourg	23	19
Iceland	17	20

*Nguồn: GII 2021 và 2022, WIPO*

Một số nền kinh tế đang phát triển thực hiện ĐMST vượt trên kỳ vọng so với mức độ phát triển kinh tế của họ, như Indonesia, Uzbekistan và Pakistan. 8 nền kinh tế vượt trội về ĐMST đến từ Châu Phi cận Sahara, trong đó Kenya, Rwanda và Mozambique dẫn đầu. Ở Mỹ Latinh và Caribe, Brazil, Peru và Jamaica đang có kết quả tốt hơn so với mức độ phát triển.

Với sự gia tăng về hiệu suất ĐMST trong bối cảnh của các cú sốc đối với chuỗi cung ứng toàn cầu, Thổ Nhĩ Kỳ và Ấn Độ đang tích cực làm phong phú thêm bức tranh ĐMST toàn cầu, trong khi Indonesia cho thấy tiềm năng ĐMST đầy hứa hẹn. Các nền kinh tế hàng đầu khu vực khác như Chile và Brazil ở Mỹ Latinh, Nam Phi và Botswana ở châu Phi cận Sahara, đã cải thiện hiệu suất đổi mới tương đối của họ.

**Bảng 2. Các nước đứng đầu khu vực về ĐMST 2022**

<b>Khu vực/Xếp hạng khu vực</b>	<b>Nước/nền kinh tế</b>	<b>Xếp hạng GII 2021</b>	<b>Xếp hạng GII 2022</b>
<i>Bắc Mỹ</i>			
1	Hoa Kỳ	3	2
2	Canada	16	15
<i>Châu Phi, Cận - Saharan</i>			
1	Nam Phi	61	61
2	Botswana		86
3	Kenya	90	88
<i>Mỹ La-Tinh và Caribe</i>			
1	Chile	53	50
2	Brazil		54
3	Mexico	55	58
<i>Trung và Nam Á</i>			
1	Ấn Độ	46	40
2	Iran	60	53
3	Uzbekistan		82



Bắc Phi và Tây Á			
1	Israel	15	16
2	Các TVQ Ả-rập TN	33	31
3	Thổ Nhĩ Kỳ	41	37
Đông Nam Á, Đông Á và Châu Đại Dương			
1	Hàn Quốc	5	6
2	Singapore	8	7
3	Trung Quốc	12	11
Châu Âu			
1	Thụy Sĩ	1	1
2	Thụy Điển	2	3
3	Anh	4	4

Nguồn: GII 2021, 2022

### 3. Chỉ số ĐMST 2022 của Việt Nam

Theo GII 2022, Việt Nam đứng thứ 48/132 nền kinh tế, giảm 4 bậc so với năm 2021, nhưng vẫn nằm trong Top 50 và đứng thứ 2 trong nhóm 36 nền kinh tế cùng mức thu nhập (năm 2021 Việt Nam đứng thứ nhất trong 34 nền kinh tế), đứng thứ 10 trong số 17 nền kinh tế ở Đông Nam Á và Châu Đại Dương. Trong khu vực, Việt Nam tiếp tục đứng thứ 4 như năm 2021 (sau Singapore, Malaysia, Thái Lan). Mặc dù Việt Nam tăng 1 bậc vị trí xếp hạng về đầu vào ĐMST (từ 60/132 lên 59/132), nhưng lại giảm 3 bậc thứ hạng đầu ra ĐMST (từ 38/132 lên 41/132) so với năm 2021.

**Bảng 3.** So sánh thứ hạng các trụ cột GII của Việt Nam qua các năm từ 2013 -2022

	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
	(vị trí/141 nền kinh tế)			(vị trí/128 nền kinh tế)	(vị trí/127 nền kinh tế)	(vị trí/126 nền kinh tế)	(vị trí/129 nền kinh tế)	(vị trí/131 nền kinh tế)	(vị trí/132 nền kinh tế)	(vị trí/132 nền kinh tế)
<b>Nhóm chỉ số đầu vào của ĐMST</b>	<b>89</b>	<b>100</b>	<b>78</b>	<b>79</b>	<b>71</b>	<b>65</b>	<b>63</b>	<b>62</b>	<b>60</b>	<b>59</b>
1. Thể chế	122	121	101	93	87	78	81	83	83	51
2. Nguồn nhân lực và nghiên cứu	98	89	78	74	70	66	61	79	79	80
3. Cơ sở hạ tầng	80	99	88	90	77	78	82	73	79	71
4. Trình độ phát triển của thị trường	73	92	67	64	34	33	29	34	22	43
5. Trình độ phát triển kinh doanh	67	59	40	72	73	66	69	39	47	50
<b>Nhóm chỉ số đầu ra của ĐMST</b>	<b>54</b>	<b>47</b>	<b>39</b>	<b>42</b>	<b>38</b>	<b>41</b>	<b>37</b>	<b>38</b>	<b>38</b>	<b>41</b>
6. Sản phẩm tri thức và công nghệ	51	49	28	39	28	35	27	37	41	52



7. Sản phẩm sáng tạo	66	58	62	52	52	46	47	38	42	35
<b>Tỷ lệ hiệu quả ĐMST</b>	<b>17</b>	<b>5</b>	<b>9</b>	<b>11</b>	<b>10</b>	<b>16</b>				
<b>Chỉ số ĐMST</b>	<b>76</b>	<b>71</b>	<b>52</b>	<b>59</b>	<b>47</b>	<b>45</b>	<b>42</b>	<b>42</b>	<b>44</b>	<b>48</b>

Liên quan đến thứ hạng của Việt Nam trong ba năm qua, WIPO lưu ý rằng tính sẵn có của dữ liệu và những thay đổi đối với khung mô hình GII ảnh hưởng đến so sánh hàng năm của bảng xếp hạng GII. Khoảng tin cậy thống kê đối với xếp hạng của Việt Nam trong GII 2022 là từ hạng 44 đến 49, so với năm 2011 là từ 42 đến 47.

WIPO đánh giá Việt Nam có kết quả đầu ra đổi mới tốt hơn đầu vào đổi mới trong GII năm nay của Việt Nam. Năm nay, Việt Nam đứng thứ 59 về đầu vào ĐMST, cao hơn cả năm 2021 và 2020. Về đầu ra/kết quả ĐMST, Việt Nam đứng thứ 41, vị trí này thấp hơn cả năm 2021 và 2020. Dù vậy, Việt Nam vẫn đứng thứ 2 trong số 36 nền kinh tế thuộc nhóm thu nhập trung bình thấp, sau Ấn Độ; và đứng thứ 10 trong số 17 nền kinh tế ở Đông Nam Á, Đông Á và Châu Đại Dương.

Về hiệu quả ĐMST, theo GII 2022, mối quan hệ giữa mức thu nhập (GDP bình quân đầu người) và hiệu suất ĐMST (điểm GII) cho thấy: So với GDP, hiệu quả hoạt động ĐMST của Việt Nam trên cả mong đợi về mức độ phát triển của Việt Nam. Hình 2 thể hiện đường xu hướng cho biết hiệu suất đổi mới dự kiến theo mức thu nhập, các nền kinh tế xuất hiện trên đường xu hướng đang hoạt động tốt hơn dự kiến và những nền kinh tế bên dưới đang hoạt động dưới mức kỳ vọng.

Về quan hệ giữa đầu vào ĐMST và đầu ra/kết quả ĐMST cho thấy, các nền kinh tế vượt trội đang phát huy hiệu quả các khoản đầu tư đổi mới tốn kém thành các kết quả ngày càng chất lượng cao hơn. Việt Nam tạo ra nhiều kết quả ĐMST hơn so với mức đầu tư vào ĐMST.

Việt Nam đạt trên mức trung bình của nhóm thu nhập trung bình thấp trong tất cả các trụ cột GII. Việt Nam cũng đạt trên mức trung bình của khu vực Đông Nam Á, Đông Á và Châu Đại Dương về sản phẩm sáng tạo.

Theo WIPO, Việt Nam đạt kết quả tốt nhất về trụ cột Sản phẩm sáng tạo (vị trí thứ 35/132) và yếu kém nhất là về trụ cột Nguồn nhân lực và nghiên cứu (vị trí 80/132).

Bảng 4 và 5 dưới đây cung cấp tổng quan về các điểm mạnh và điểm yếu của các chỉ số của Việt Nam trong GII 2022. Trong đó có nhiều chỉ số yếu kém ít được cải thiện trong nhiều năm qua như: Môi trường pháp lý, Chi phí sa thải nhân công, Tỷ lệ sinh viên nước ngoài học tập trong nước, Kết quả về môi trường, Việc làm trong các ngành dịch vụ thâm dụng tri thức (% tổng việc làm), Lao động nữ có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao (% tổng lao động), Nhập khẩu dịch vụ ICT (% tổng mậu dịch), Xuất khẩu dịch

vụ ICT (% tổng mậu dịch), Xuất khẩu dịch vụ văn hóa và sáng tạo (% tổng giao dịch thương mại)...

Một số chỉ số giảm bậc mạnh so với năm GII 2021: Tín dụng (từ 9 xuống 47), Trình độ phát triển của thị trường (22 xuống 43), Vay tài chính vi mô (từ 11 xuống 52), Lan tỏa tri thức (từ 21 xuống 44), Sản phẩm và dịch vụ sáng tạo (từ 35 xuống 50).

Trụ cột Thể chế tăng có sự tăng bậc đáng chú ý, tăng 32 bậc, từ thứ hạng 83 năm 2021 lên 51 năm 2022; Trụ cột Sản phẩm sáng tạo tăng 7 bậc, từ thứ hạng 42 năm 2021 lên 35 năm 2022. Một số chỉ số tăng bậc ngoạn mục như: Môi trường kinh doanh (từ vị trí 100 lên 30), Đầu tư (từ 111 lên 52). Nhóm chỉ số Liên kết đổi mới sáng tạo tăng 10 bậc, từ thứ hạng 58 năm 2021 lên 48 năm 2022 (trước đó năm 2021 đã tăng 17 bậc từ thứ hạng 75 năm 2020 lên 58 năm 2021); Chỉ số Số sáng chế nộp đơn tại 2 văn phòng (từ 92 lên 73), Sản phẩm sáng tạo (từ 42 lên 35).

Nhiều chỉ số vẫn là điểm mạnh của Việt Nam như: Nhập khẩu công nghệ cao (% tổng thương mại) (thứ 1/132) Tín dụng nội địa cho khu vực tư nhân, %GDP, Đa dạng hóa của ngành công nghiệp nội địa (thứ 9), Tín dụng nội địa cho khu vực tư nhân (thứ 11), Phần chi R&D do doanh nghiệp trang trải (% tổng chi cho R&D) (thứ 10), Tốc độ tăng năng suất lao động (GDP/người lao động) (thứ 3), Xuất khẩu công nghệ cao (% tổng giao dịch thương mại) (thứ 3), Xuất khẩu hàng hóa sáng tạo (% tổng giao dịch thương mại) (thứ 8), Sáng tạo ứng dụng di động (thứ 8)...

**Bảng 4. Những chỉ số có thứ hạng kém ít được cải thiện trong nhiều năm qua**

Mã	Các trụ cột và nhóm chỉ số GII	Xếp hạng 2015	Xếp hạng 2016	Xếp hạng 2017	Xếp hạng 2018	Xếp hạng 2019	Xếp hạng 2020	Xếp hạng 2021	Xếp hạng 2022
1.2	Môi trường pháp lý	113	106	103	89	90	98	98	96
1.2.1	Cải thiện chất lượng các quy định phát luật	113	103	100	99	97	99	93	83
1.2.3	Chi phí sa thải nhân công	109	101	101	97	101	103	104	105
2.2.3	Tỷ lệ sinh viên nước ngoài học tập trong nước	105	103	103	99	104	104	102	103
3.3.2	Kết quả về môi trường	113	104	102	102	104	110	110	128
5.1.1	Việc làm trong các ngành dịch vụ thâm dụng tri thức (% tổng việc làm)	101	94	94	95	117	97	100	106
5.1.5	Lao động nữ có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao (% tổng lao động)	73	74	<b>72</b>	78	83	84	79	85
5.3.3	Nhập khẩu dịch vụ ICT (% tổng mậu dịch)	n/a	120	123	122	126	126	129	130
6.3.4	Xuất khẩu dịch vụ ICT (% tổng mậu dịch)	n/a	119	122	120	125	126	115	120

Mã	Các trụ cột và nhóm chỉ số GII	Xếp hạng 2015	Xếp hạng 2016	Xếp hạng 2017	Xếp hạng 2018	Xếp hạng 2019	Xếp hạng 2020	Xếp hạng 2021	Xếp hạng 2022
7.2.1	Xuất khẩu dịch vụ văn hóa và sáng tạo (% tổng giao dịch thương mại)	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	97	91	94

Nguồn: GII 2015-2022, WIPO

**Bảng 5. Những chỉ số được xếp hạng cao trong Bảng xếp hạng GII từ 2015-2022**

Mã	Các trụ cột và nhóm chỉ số GII	Xếp hạng 2015	Xếp hạng 2016	Xếp hạng 2017	Xếp hạng 2018	Xếp hạng 2019	Xếp hạng 2020	Xếp hạng 2021	Xếp hạng 2022
1.1.1	Đảm bảo ổn định và an ninh chính trị	53	66	59	57	32	29	<b>34</b>	<b>37</b>
2.1.4	Điểm PISA về đọc, toán và khoa học	n/a	n/a	20	20	20	16	<b>16</b>	<b>16</b>
3.2.3	Tổng tư bản hình thành, %GDP	43	49	29	28	32	41	<b>39</b>	<b>19</b>
4.1.2	Tín dụng nội địa cho khu vực tư nhân, %GDP	32	25	22	19	16	15	<b>12</b>	<b>11</b>
4.3	Thương mại, cạnh tranh và quy mô thị trường	80	44	41	40	35	<b>49</b>	<b>15</b>	<b>19</b>
4.3.1	Mức thuế quan áp dụng, bình quân gia quyền/ tất cả các sản phẩm (%)	88	63	69	62	61	<b>82</b>	<b>21</b>	<b>17</b>
4.3.2	Đa dạng hóa của ngành công nghiệp nội địa							<b>9</b>	<b>9</b>
4.3.3	Quy mô thị trường nội địa	n/a	35	34	33	33	32	<b>23</b>	<b>24</b>
5.1.4	Phần chi R&D do doanh nghiệp trang trải (% tổng chi cho R&D)	53	54	36	13	8	8	<b>8</b>	<b>10</b>
5.2.1	Hợp tác đại học - doanh nghiệp	89	86	76	59	75	<b>65</b>	<b>34</b>	<b>26</b>
5.2.2	Quy mô phát triển của cụm công nghiệp	72	56	50	64	74	42	<b>17</b>	<b>14</b>
5.3.2	Nhập khẩu công nghệ cao (% tổng thương mại)	4	6	3	4	1	4	<b>3</b>	<b>1</b>
5.3.4	Dòng vốn ròng đầu tư trực tiếp nước ngoài (%GDP)	32	29	26	25	23	19	<b>16</b>	<b>15</b>
6.2.1	Tốc độ tăng năng suất lao động (GDP/người lao động)	17	10	1	6	3	4	<b>3</b>	<b>3</b>
6.3.3	Xuất khẩu công nghệ cao (% tổng giao dịch thương mại)	1	4	4	1	1	2	<b>1</b>	<b>3</b>
7.1.2	Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa bản địa, trên 1 tỷ \$PPP GDP	22	17	20	18	24	20	<b>23</b>	<b>24</b>
7.1.3	Giá trị thương hiệu toàn cầu, top 5000, %GDP						19	<b>25</b>	<b>24</b>

Mã	Các trụ cột và nhóm chỉ số GII	Xếp hạng 2015	Xếp hạng 2016	Xếp hạng 2017	Xếp hạng 2018	Xếp hạng 2019	Xếp hạng 2020	Xếp hạng 2021	Xếp hạng 2022
7.2.5	Xuất khẩu hàng hóa sáng tạo (% tổng giao dịch thương mại)	9	9	7	7	10	11	11	8
7.3.4	Sáng tạo ứng dụng di động	57	55	52	16	13	10	10	8

Nguồn: GII 2015-2022, WIPO

**Bảng 6.** So sánh thứ hạng các trụ cột GII của Việt Nam qua các năm từ 2013 -2022

	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
	(vị trí/141 nền kinh tế)			(vị trí/128 nền kinh tế)	(vị trí/127 nền kinh tế)	(vị trí /126 nền kinh tế)	(vị trí /129 nền kinh tế)	(vị trí /131 nền kinh tế)	(vị trí /132 nền kinh tế)	(vị trí /132 nền kinh tế)
<b>Nhóm chỉ số đầu vào của ĐMST</b>	<b>89</b>	<b>100</b>	<b>78</b>	<b>79</b>	<b>71</b>	<b>65</b>	<b>63</b>	<b>62</b>	<b>60</b>	<b>59</b>
1. Thê chế	122	121	101	93	87	78	81	83	83	51
2. Nguồn nhân lực và nghiên cứu	98	89	78	74	70	66	61	79	79	80
3. Cơ sở hạ tầng	80	99	88	90	77	78	82	73	79	71
4. Trình độ phát triển của thị trường	73	92	67	64	34	33	29	34	22	43
5. Trình độ phát triển kinh doanh	67	59	40	72	73	66	69	39	47	50
<b>Nhóm chỉ số đầu ra của ĐMST</b>	<b>54</b>	<b>47</b>	<b>39</b>	<b>42</b>	<b>38</b>	<b>41</b>	<b>37</b>	<b>38</b>	<b>38</b>	<b>41</b>
6. Sản phẩm tri thức và công nghệ	51	49	28	39	28	35	27	37	41	52
7. Sản phẩm sáng tạo	66	58	62	52	52	46	47	38	42	35
<b>Tỷ lệ hiệu quả ĐMST</b>	<b>17</b>	<b>5</b>	<b>9</b>	<b>11</b>	<b>10</b>	<b>16</b>				
<b>Chỉ số ĐMST</b>	<b>76</b>	<b>71</b>	<b>52</b>	<b>59</b>	<b>47</b>	<b>45</b>	<b>42</b>	<b>42</b>	<b>44</b>	<b>48</b>

Nguồn: GII 2013-2022, WIPO

Trong khu vực ASEAN, Việt Nam vẫn đứng vị trí thứ 4 (như năm 2021), sau Singapo, Malaixia và Thái Lan. Trong số các nước ASEAN được xếp hạng, có 3 nước tăng bậc là Singapo, Indonesia và Campuchia. Thái lan và Malaixia vẫn giữ nguyên thứ hạng.

**Bảng 7.** So sánh xếp hạng GII 2014-2022 của các nước ASEAN được xếp hạng

STT	Các nước ASEAN được xếp hạng	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022
1	Singapo	7	7	6	7	5	8	8	8	7
2	Malaixia	33	32	35	37	35	35	33	36	36
3	Thái Lan	48	55	52	51	44	43	44	43	43
4	<b>Việt Nam</b>	<b>71</b>	<b>52</b>	<b>59</b>	<b>47</b>	<b>45</b>	<b>42</b>	<b>42</b>	<b>44</b>	<b>48</b>
5	Philippin	100	83	74	73	73	54	50	51	59
6	Indonesia	87	97	88	87	85	85	85	87	75
7	Campuchia	106	91	95	101	98	98	110	109	97

*Nguồn: GII 2014-2022, WIPO*

Theo Ông Marco M. Aleman – Trưởng Cơ quan Hệ sinh thái ĐMST và Sở hữu trí tuệ, Trợ lý - Đặc phái viên Tổng Giám đốc WIPO, Việt Nam là quốc gia đã có tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ về ĐMST trong 12 năm liền, cũng là một trong số ít các nước trên thế giới đang trong quá trình tự tạo ra những sản phẩm ĐMST riêng của mình, thể hiện quyết tâm của Việt Nam trong thúc đẩy ĐMST và tăng trưởng kinh tế - xã hội. WIPO sẽ tiếp tục hợp tác, hỗ trợ Việt Nam để giúp ĐMST là một yếu tố thúc đẩy tạo việc làm và tăng trưởng.

Ông Sacha Wunsch – Vincent, chuyên gia cao cấp của WIPO, cho biết, Việt Nam có sự nổi trội trong số các quốc gia mà WIPO có hợp tác. Việt Nam đang tham gia sâu rộng hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. WIPO đánh giá Việt Nam có thể hướng tới nhóm 40 quốc gia/nền kinh tế hàng đầu về GII. Tuy nhiên, ông nhấn mạnh, Việt Nam cần thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư nhiều hơn vào nghiên cứu và phát triển; học hỏi kinh nghiệm của các nước nhóm đầu trong nâng cao chỉ số GII, cải cách, khắc phục các điểm yếu hiện tại. WIPO đánh giá, mặc dù Việt Nam nằm trong số các nền kinh tế có thu nhập trung bình có khả năng bắt kịp ĐMST nhanh nhất, nhưng mức giảm nhẹ của Việt Nam cho thấy việc duy trì nỗ lực ĐMST là vô cùng quan trọng.